

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NHA TRANG
TỈNH KHÁNH HÒA**

Bản án số: 63/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 23/5/2018

V/v tranh chấp: "Ly hôn"

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG,
TỈNH KHÁNH HÒA**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu Hiếu**

Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Tĩnh**

Ông **Nguyễn Đức Đẹp**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Võ Thu Thủy** - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Nha Trang tham gia phiên tòa:

Bà **Đỗ Thị Hường** – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 1050/2017/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2017 về "**Ly hôn**" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2018/QĐXX-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2018/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Nguyễn Thị Kim L**

Địa chỉ: Lô 23 – đường số 1 – xã P Đ - thành phố N – tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

- *Bị đơn*: Ông **Lê Văn Th**

Địa chỉ: Lô 23 – đường số 1 – xã P Đ - thành phố N – tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện xin ly hôn nguyên đơn trình bày:*

Nguyên tôi và ông Lê Văn Th kết hôn năm 1999 tại UBND phường X H – thành phố N – tỉnh Khánh Hòa. Thời gian sống chung với nhau, chúng tôi có 03 con chung là Lê Thị D (sinh ngày 26/2/2002), Lê Thị Bé T (sinh ngày 30/7/2004) và Lê Thị H (sinh ngày 10/7/1999).

Trong quá trình sống chung với nhau, có nhiều mâu thuẫn xảy ra do cách sống hai bên không phù hợp. Từ đó dẫn đến cuộc sống vợ chồng luôn phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn ngày càng nhiều và trở nên nghiêm trọng không thể hàn gắn được. Vì vậy, đời sống vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt.

Do đó, để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp trong hôn nhân theo quy định của pháp luật, nay tôi yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Nha Trang giải quyết cho tôi được ly hôn, giải quyết con chung đối với ông Lê Văn Th theo quy định pháp luật.

Về con chung: Hiện nay các cháu đang sống cùng với cha (tức là ông Th). Tôi đồng ý để các cháu sống cùng với ông Th. Nhưng nếu nguyện vọng của các cháu muốn sống với mẹ thì tôi cũng đồng ý nuôi dưỡng các cháu.

Về tài sản chung, nợ chung: tôi không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn. Về con chung: cháu Lê Thị H (sinh ngày 10/7/1999) đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng ý giao 02 con chung là Lê Thị D (sinh ngày 26/2/2002) và Lê Thị Bé T (sinh ngày 30/7/2004) cho ông Lê Văn Th trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không thể hiện ý kiến.*

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Nha Trang đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Kim L được ly hôn với ông Lê Văn Th và giao 02 con chung Lê Thị D (sinh ngày 26/2/2002) và Lê Thị Bé T (sinh ngày 30/7/2004) cho ông Lê Văn Th trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn, không có yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét. Tài sản chung, nợ chung nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục:** Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn vẫn vắng mặt; Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] **Về quan hệ hôn nhân:** Bà Nguyễn Thị Kim L và ông Lê Văn Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND phường X H, thành phố N – tỉnh Khánh Hòa theo Giấy chứng nhận kết hôn số 87 cấp ngày 01/9/1999. Đây là hôn nhân hợp pháp.

[3] Qua lời khai của nguyên đơn và kết quả xác minh địa phương, Hội đồng xét xử thấy rằng: quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn không hạnh phúc do không hòa hợp, đã ly thân 02 năm nay và hiện nay nguyên đơn khẳng định không còn tình cảm với bị đơn nên xin ly hôn. Như vậy, mục đích hôn nhân của nguyên đơn và bị đơn không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn.

[4] **Về con chung:** có 03 con chung tên là Lê Thị D (sinh ngày 26/2/2002), Lê Thị Bé T (sinh ngày 30/7/2004) và Lê Thị H (sinh ngày 10/7/1999). Con chung tên Lê Thị H (sinh ngày 10/7/1999) đã trưởng thành và không có yêu cầu giải quyết nên không xét.

[5] Đối với 02 con chung là Lê Thị D (sinh ngày 26/2/2002), Lê Thị Bé T (sinh ngày 30/7/2004): Tòa án cũng đã nhiều lần làm việc tại nhà ông Th để lấy ý kiến của các con chung nhưng không thực hiện được do bị đơn không hợp tác, không thể gặp được các cháu để lấy ý kiến. Qua xác minh cho thấy 02 con chung đang được bị đơn

chăm sóc ổn định, nguyên đơn cũng đồng ý giao các con cho bị đơn nuôi dưỡng nên việc giao các con chung cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn là hợp lý.

[6] Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung: không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này có yêu cầu sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác khi có đơn khởi kiện

[7] **Về tài sản chung, nợ chung:** Nguyên đơn không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Nếu sau này các bên có yêu cầu sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác khi có đơn khởi kiện.

[8] **Án phí:** nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Điều 56, Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân gia đình;
- Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

1/ *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị Kim L và ông Lê Văn Th được ly hôn.

2/ *Về con chung:* có 03 con chung tên là Lê Thị D (sinh ngày 26/2/2002), Lê Thị Bé T (sinh ngày 30/7/2004) và Lê Thị H (sinh ngày 10/7/1999). Con chung tên Lê Thị H (sinh ngày 10/7/1999) đã trưởng thành và không có yêu cầu giải quyết nên không xét.

Giao 02 con chung tên là Lê Thị D (sinh ngày 26/2/2002) và Lê Thị Bé T (sinh ngày 30/7/2004) cho ông Lê Văn Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục sau khi ly hôn. Không có yêu cầu cấp dưỡng nên không xét. Nếu sau này có yêu cầu sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác khi có đơn khởi kiện.

Bà Nguyễn Thị Kim L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3/ *Về tài sản chung, nợ chung:* không có yêu cầu nên không xem xét. Sau này nếu các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

4/ *Án phí:* Bà Nguyễn Thị Kim L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0007550 ngày 06/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang. Bà Nguyễn Thị Kim L đã nộp đủ án phí.

5/ Quy định:

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6/ *Quyền kháng cáo*: Bà Nguyễn Thị Kim L có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Lê Văn Th có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Nha Trang
- Đường sự
- THADS Tp Nha Trang
- TAND tỉnh Khánh Hòa
- UBND phường X H
- TP. HCM;
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký, đóng dấu)

Nguyễn Thị Thu Hiếu